

Nhơn Trạch, ngày 28 tháng 03 năm 2013



MẪU CBTT-02

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

I. Lịch sử hoạt động của Công ty : Khái quát về Công ty

- Những sự kiện quan trọng :

- + Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**
- + Tên tiếng anh : **CHANG YIH CERAMIC JIONT STOCK COMPANY**
- + Mã chứng khoán : **CYC**
- + Trụ sở chính: Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- + Điện thoại: 0613-560770~776 Fax: 0613-560778~779

Việc thành lập : Công ty Cổ Phần Gạch Men Chang Yih được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ công ty TNHH Gạch Men Chang Yih. Công ty TNHH Gạch Men Chang Yih là công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động theo giấy phép số 52/GP-KCN-ĐN do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 09 năm 2000, và sau đó cổ phần hóa theo quyết định số 580/TTg - ĐMDN ngày 11 tháng 05 năm 2005 của Thủ tướng Chính Phủ, Giấy phép đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06 tháng 02 năm 2006, giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 31 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2010

Niên yết : Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh theo quyết định số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 06 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và thông báo số 504/TTGDHCM-NY của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 07 năm 2006.

- Quá trình phát triển :

+ Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép gồm : Sản xuất chế biến các loại gạch men và gạch trang trí mỹ thuật cao cấp, và xây dựng công trình dân dụng.

+ Tình hình hoạt động : Công ty đang hoạt động sản xuất gạch men - ngành nghề theo giấy phép kinh doanh được cấp, chưa triển khai ngành xây dựng.

- Định hướng phát triển :

1. Tâm nhìn :

* Mục tiêu của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

* Xây dựng thương hiệu vững mạnh và đưa ảnh hưởng của công ty trong ngành gạch men và gạch trang trí mỹ thuật lên một tầm cao mới, phấn đấu nâng cao tỷ lệ chiếm giữ thị phần.

2. Sứ mệnh : Cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

3. Các giá trị cốt lõi :

- * Phục vụ người tiêu dùng là trung tâm của mọi hoạt động.
- * Cùng xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu vững mạnh.
- * Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa và nâng cao năng lực sản xuất.
- * Luôn cải tiến, đổi mới và nâng cao chất lượng của sản phẩm.

- * Công ty luôn đề cao vai trò các đại lý và các nhà cung cấp luôn là những đối tác quan trọng.
- * Tạo môi trường nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, thực hiện chính sách nội địa hóa lãnh đạo và lực lượng cán bộ nòng cốt.
- * Trách nhiệm góp phần phát triển cộng đồng.

II. Báo cáo của HĐQT :

1. Hoạt động của HĐQT năm 2012:

- Năm 2012 HĐQT Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản ĐHCĐ thường niên và bất thường năm 2012 đã đề ra. Trong năm 2012 dù đứng trước sự khó khăn của tình hình kinh tế nhưng với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ nhân viên, chiến lược kinh doanh vững vàng của cấp lãnh đạo cùng với sự ủng hộ của toàn thể cổ đông nên Công ty cũng gặt hái thành quả trong năm 2012.

2. Kế hoạch năm 2013

2.1. Quản lý doanh nghiệp

- + Tuân thủ Pháp luật Việt Nam
- + Không ngừng nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý.
- + Tăng cường đào tạo các cán bộ Việt Nam thực hiện chính sách nội địa hóa lãnh đạo và lực lượng cán bộ nòng cốt.
- + Tiếp tục đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ công nhân và nhân viên chuyên trách. Tăng cường, củng cố và không ngừng bồi dưỡng năng lực lãnh đạo của những người đứng đầu, từng bước kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty.

2.2. Phương hướng mở rộng sản xuất

Nhằm tăng năng lực sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ mới hiện đại, giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh cụ thể:

- + Đẩy mạnh sản xuất hàng cao cấp
- + Nâng cao tỷ lệ hàng loại I
- + Nâng cao năng lực sản xuất và công suất hoạt động.
- + Đầu tư MMTB, nguyên vật liệu, nhân lực... cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiểu dáng đẹp phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước lẫn xuất khẩu.

2.3. Phương hướng kinh doanh

- + Mở rộng phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu, phấn đấu đạt 60% doanh thu xuất khẩu và 40% nội địa trong năm 2013.
- + Phấn đấu sản lượng đạt 4.000.000 m².
- + Doanh thu thuần đạt 330.000.000.000 VND
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 10.000.000.000 VND
- + Xây dựng thương hiệu vững mạnh, nâng cao tỷ lệ chiếm giữ thị phần.
- + Đẩy mạnh công tác tư tưởng văn hóa tại công ty, chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ công nhân viên, phát huy tinh thần sáng tạo trong sản xuất, đoàn kết trong tập thể, chung sức thi đua lập thành tích không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để cùng nhau hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà lãnh đạo Công ty đã đề ra.

2.4. Về việc vay vốn Ngân hàng

Trong năm 2013, Công ty giữ hạn mức tín dụng ngắn hạn 100.000.000.000 VND và duy trì hạn mức trung hạn đã được cấp tại các ngân hàng, không có kế hoạch vay vốn đầu tư máy móc thiết bị mới.

2.5. Chính sách chất lượng:

Chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng nhằm tạo dựng uy tín và niềm tin lâu dài đối với khách hàng, Công ty luôn thực hiện theo phương châm: "Lấy tín làm gốc; chuyên tâm và chuyên tâm hơn nữa"

Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, chúng nhận hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng này đã được tổ chức UKAS (The United Kingdom Accreditation Service) của Vương Quốc Anh cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2003 phù hợp với đặc thù của Công ty. Công ty luôn hướng nguồn nhân lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng. Thực hiện đúng cam kết về chính sách chất lượng, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới về chất lượng sản phẩm, các dịch vụ hậu bán hàng, tăng cường các biện pháp marketing phù hợp với thị hiếu tiêu dùng... vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- HĐQT triển khai quy trình mua hàng hoá MINH BẠCH và hiệu quả, dự đoán nhu cầu, thu mua dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Tập trung cải tổ mạnh mẽ và đầu tư cho công tác điều tra thị trường và tổ chức hệ thống phân phối; thực hiện TUÂN THỦ các Quy chế về hoạt động của các đơn vị.

- Có kế hoạch bố trí nhân sự theo công việc hợp lý, hiệu quả, có tính kế thừa, thu hút đào tạo và phát triển cán bộ trẻ và cán bộ chuyên môn, cơ cấu lại Ban lãnh đạo trên tinh thần gọn nhẹ, hiệu quả.

- Đầu tư MMTB, nguyên vật liệu, nhân lực ...cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiểu dáng phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa cũng như thị trường xuất khẩu.

- Chú trọng công tác tài chính doanh nghiệp, dành nguồn nhân lực thích đáng cho nghiên cứu cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm.

- Cải thiện điều kiện làm việc và đời sống tinh thần của CBCNV.

HĐQT tin tưởng rằng bằng các biện pháp nâng cao quy mô vốn và năng lực sản xuất của Công ty cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động, Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih đạt được một tầm cao mới trong khi vẫn duy trì được truyền thống, thương hiệu "REX" và thương hiệu "KIS" sẽ là những thương hiệu hàng đầu trong ngành sản xuất gạch men và gạch trang trí mỹ thuật cao cấp.

2.6. Về việc chỉ định công ty kiểm toán cho năm tài chính 2013

Sau khi bàn bạc Hội đồng Quản trị cùng nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong năm 2013.

2.7. Chính sách chia cổ tức:

Năm 2012, năm thứ bảy hoạt động theo mô hình cổ phần hóa. Hoạt động kinh doanh có lãi nhưng không đạt được mục tiêu mà ĐHCĐ năm 2012 đã đề ra, do vậy HĐQT nhất trí trình Đại hội cổ đông năm 2013 thông qua việc không chia cổ tức năm 2012.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc :

1. Báo cáo tình hình tài chính :

- Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn tốt (xem bảng chi tiêu đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp ở phần sau).

- Hiệu quả tác nghiệp của Công ty ở mức trung bình.

- Cơ cấu nợ của Công ty ở mức bình thường.

- Những thay đổi về vốn cổ đông :

+ Tổng vốn điều lệ đăng ký của Công ty đến 31/12/2012 : 90.478.550.000 đồng Việt Nam

+ Tổng số cổ phần hiện tại: 9.047.855 cổ phần (mệnh giá : 10.000đ/cổ phần).

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Trong đó cổ phiếu ngân quỹ của Công ty là : 1.430 cổ phần.

- Cổ tức năm 2012 : năm 2012 công ty không chia cổ tức cho cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 :

Tổng quan :

- Năm 2012 là năm thứ bảy công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Bộ máy tổ chức và tư duy tổ chức của Công ty có nhiều thay đổi, các quy chế được rà soát điều chỉnh theo hướng minh bạch, hợp lý. Diện mạo Công ty (Logo, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm) được giới thiệu đến người tiêu dùng, phong cách quản trị mới được xây dựng và hình thành trong CBCNV Công ty.

- Các dự án đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho Công ty, tăng cường năng lực chế biến đã bắt đầu được triển khai mạnh mẽ.

- Sản phẩm mang thương hiệu "KIS" của Công ty là sản phẩm cao cấp đã được người tiêu dùng trong nước và ngoài nước đón nhận và ngày càng phát triển.

Thực hiện SXKD năm 2012 :

Phần I : BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
TÀI SẢN NGẮN HẠN	238,350,273,437	258,292,828,107
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,187,567,859	5,624,147,403
Tiền	4,187,567,859	5,624,147,403
Các khoản tương đương tiền		
Các khoản phải thu	43,058,565,537	52,510,131,104
Phải thu của khách hàng	45,070,300,852	50,934,699,403
Trả trước cho người bán	6,743,047,737	857,968,929
Các khoản phải thu khác	1,833,577,437	717,462,772
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(10,588,360,489)	
Hàng tồn kho	184,378,314,090	184,591,607,464
Hàng tồn kho	193,511,673,666	189,773,210,362
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9,133,359,576)	(5,181,602,898)
Tài sản ngắn hạn khác	6,725,825,951	15,566,942,136
Chi phí trả trước ngắn hạn	4,290,836,181	5,903,494,748
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1,394,356,846	9,065,884,105
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	170,354,561	3,000,000
Tài sản ngắn hạn khác	870,278,363	594,563,283
TÀI SẢN DÀI HẠN	99,112,665,646	117,726,603,600
Tài sản cố định	92,979,365,493	109,372,867,744
Tài sản cố định hữu hình	92,835,280,417	108,013,933,493
Nguyên giá	289,228,842,942	288,754,581,803
Giá trị hao mòn lũy kế	(196,393,562,525)	(180,740,648,310)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	144,085,076	1,358,934,251
Tài sản dài hạn khác	6,133,300,153	8,353,735,856
Chi phí trả trước dài hạn	6,133,300,153	7,643,657,288
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		585,878,568
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	337,462,939,083	376,019,431,707
NỢ PHẢI TRẢ	230,537,550,179	271,234,330,717
Nợ ngắn hạn	143,164,463,266	160,163,618,009
Vay và nợ ngắn hạn	47,145,745,544	74,134,138,591
Phải trả người bán	78,215,809,567	74,454,827,821
Người mua trả tiền trước	6,623,360,607	2,850,936,130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	896,318,613	1,562,986,608
Phải trả người lao động	2,115,097,733	3,214,489,522
Chi phí phải trả	7,368,798,043	3,676,662,367
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	799,333,159	269,576,970
Nợ dài hạn	87,373,086,913	111,070,712,708
Phải trả dài hạn khác	6,825,000,000	23,926,168,841

Vay và nợ dài hạn	80,268,272,276	86,850,479,542
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	279,814,637	294,064,325
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	106,925,388,904	104,785,100,989
Vốn chủ sở hữu	106,925,388,904	104,785,100,989
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90,478,550,000	90,478,550,000
Thặng dư vốn cổ phần	829,809,325	829,809,325
Cổ phiếu quỹ	(18,309,325)	(18,309,325)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15,635,338,904	13,495,050,989
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	337,462,939,083	376,019,431,707

Phần II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	304,368,405,330	306,591,962,677
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,671,011,153	203,232,723
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	302,697,394,177	306,388,729,954
Giá vốn hàng bán	255,020,708,053	255,579,295,006
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47,676,686,124	50,809,434,948
Doanh thu hoạt động tài chính	328,723,491	4,182,201,257
Chi phí tài chính	11,082,437,537	24,821,153,861
Trong đó: chi phí lãi vay	10,895,677,447	8,904,481,686
Chi phí bán hàng	13,606,870,433	19,051,239,804
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,091,414,535	12,460,836,537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4,224,687,110	1,341,593,997
Thu nhập khác	1,278,153,090	6,879,946,579
Chi phí khác	1,716,278,227	2,949,567,494
Lợi nhuận khác	(438,125,137)	3,930,379,085
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3,786,561,973	2,588,785,088
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,060,395,490	677,844,638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	585,878,568	640,234,477
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2,140,287,915	1,270,705,973
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	237	140

Phần III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011
1. Bố trí cơ cấu tài sản - nguồn vốn (%)		
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng số Tài sản	70.63%	68.69%
- Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	29.37%	31.31%
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	68.31%	72.13%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng số Tài sản	31.69%	27.87%
2. Khả năng thanh toán (LẦN)		
- Khả năng thanh toán hiện hành	1.66	1.61
- Khả năng thanh toán nhanh	0.38	0.46
3. Tỷ suất sinh lời(%)		

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	1.25%	0.84%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0.71%	0.41%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	1.12%	0.69%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	0.63%	0.34%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	2.00%	1.21%

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Đã tổ chức lại bộ máy, chuyển đổi, xây dựng và hoàn thiện các quy chế, đặc biệt là quy chế về quản lý chất lượng toàn Công ty, triển khai thực hiện và tăng cường công tác quản lý, giảm giá thành sản phẩm.

- Thay đổi tư duy kinh doanh lấy thị trường làm trung tâm. Xác định lại chiến lược kinh doanh, định vị lại sản phẩm trên cơ sở phân tích lợi thế cạnh tranh của Công ty.

- Nâng cao năng lực sản xuất, từng bước trang bị thêm máy móc, thiết bị công nghệ mới nâng cấp xưởng sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

- Xác định Tầm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi của thương hiệu, từng bước xây dựng một nền văn hoá doanh nghiệp lấy sự minh bạch, chất lượng và hợp tác làm nền tảng.

- Đã đưa ra thị trường một số sản phẩm cao cấp với quy cách mới góp phần cải thiện thương hiệu, hình ảnh công ty.

- Cải thiện môi trường làm việc, xây dựng nguồn nhân lực theo định hướng đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán :

1. Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (DFK)

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài

chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Kiểm toán nội bộ: không có.

Báo cáo thường niên này được lập trên cơ sở số liệu của báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih do Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (DFK) và Công ty đã báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định.

V. Kế hoạch SXKD năm 2013:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2013

Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2013
I. Tổng Doanh số tiêu thụ	đồng	330.000.000.000
II. Tiền lương		
1. Tổng quỹ lương	đồng	35.000.000.000
2. Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	5.500.000
II. Lợi nhuận		
- Trước thuế	đồng	11.764.705.882
- Sau thuế	đồng	10.000.000.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2013

(Nguồn vốn khấu hao, vay các tổ chức tín dụng) ĐVT: đồng

STT	Hạng mục - Quy cách	Đvt	KH 2013	Ghi chú
I	XÂY DỰNG CƠ BẢN	USD	0	
II	MÁY MÓC THIẾT BỊ	USD	0	
	Cộng I và II	USD	0	

PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2013:

Hội Đồng Quản Trị công ty đã thống nhất ý kiến không đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị mới trong năm 2013.

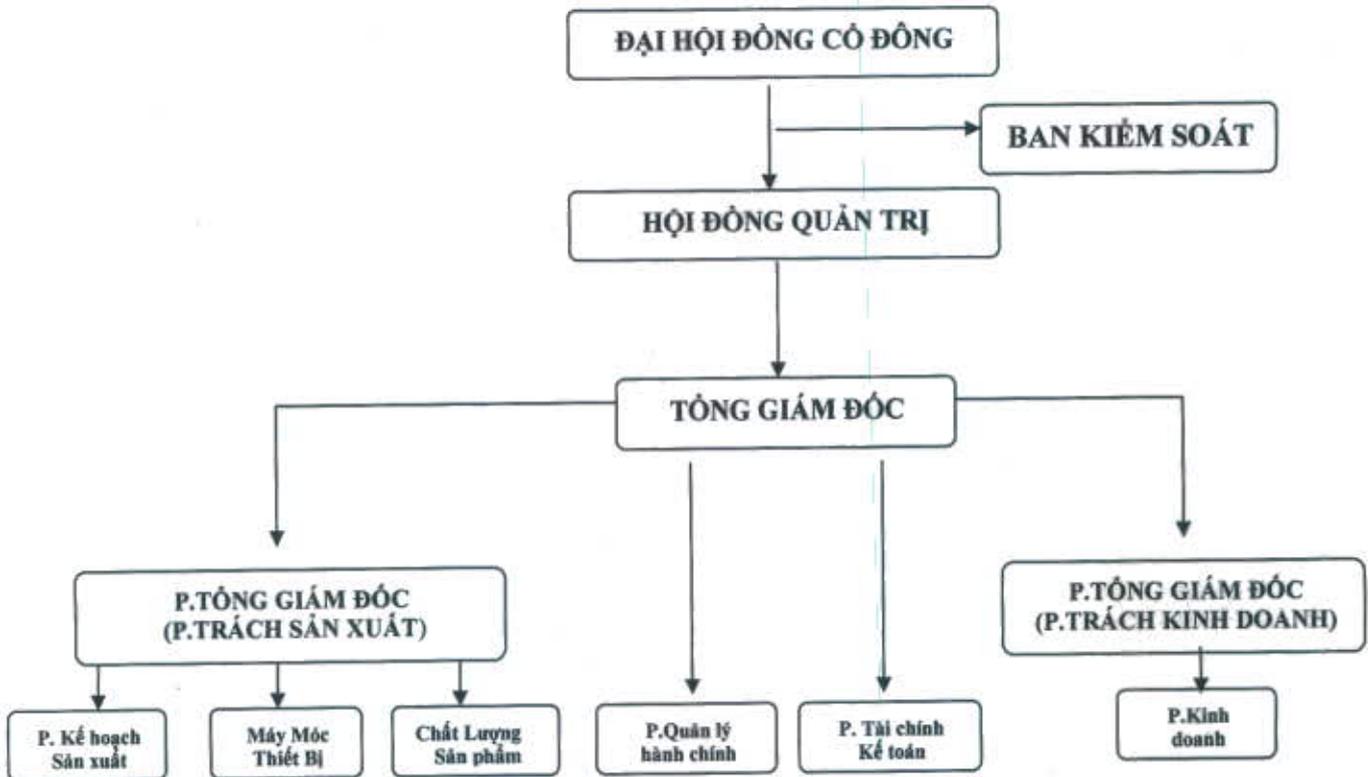
Công ty chỉ huy động vốn vay của các tổ chức tín dụng để mua nguyên vật liệu sản xuất trong năm 2013.

VI. Các Công ty có liên quan:

- Hiện tại Công ty CHYIH INVESTMENT nắm giữ 78% và các tổ chức cá nhân khác nắm giữ 22% vốn cổ phần của Công ty Cổ Phần Gạch Men Chang Yih.
- Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih hiện không nắm giữ cổ phần của bất cứ Công ty nào khác.

VII. Tổ chức nhân sự:

- Cơ cấu tổ chức của Công ty:



- Thay đổi trong HĐQT và Ban TGD:

Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2012 không thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với Người lao động:

a) Lao động: Tổng số CBCNV tính đến 31-12-2012 là: 356 người.

Trong đó: Nam: 269 người. Nữ: 87 người.

- Thực hiện chính sách đối với người lao động:

* Thu nhập bình quân đầu người năm 2012: 5.488.127 đồng/người/tháng.

* Công ty tham gia bảo hiểm (bao gồm BHXH, BHYT & BHTN) cho toàn bộ lao động có hợp đồng lao động. Tổng số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2012 là: 2.601.966.522 đồng.

Ngoài ra Công ty có KTX dành cho những anh chị em cán bộ công nhân viên ở xa.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty:

- Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- Ông Chen Hui Zun: Chủ tịch Hội đồng Quản trị (kiêm Tổng Giám Đốc)

- Ông Lee Mo Ting : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông Tsai Ching Feng : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Bà Đàm Thị Vân Anh : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Bà Đỗ Thị Ánh Tuyết : Ủy viên Hội đồng Quản trị

1.2. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông Tseng Sen Hsien : Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Ngân Quốc Phong : Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Linh : Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

2.1 Thành viên HĐQT: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận thì được chia đều. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT được ghi trong báo cáo thường niên của Công ty. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

2.2 Thành viên Ban kiểm soát: Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



CHEN HUI ZUN



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Chen Hui Zun	Chủ tịch
Ông Lee Mo Ting	Thành viên
Ông Tsai Ching Feng	Thành viên
Bà Đàm Thị Vân Anh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2012)
Bà Đỗ Thị Ánh Tuyết	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2012)

Ban Kiểm soát:

Ông Tseng Sen Hsien	Trưởng ban
Ông Chen Jui Chieh	Thành viên (từ nhiệm ngày 17/04/2012)
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2012)
Ông Ngân Quốc Phong	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2012)

Ban Giám đốc:

Ông Chen Hui Zun	Tổng Giám đốc
Ông Pan Hsien Tsung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/02/2012)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

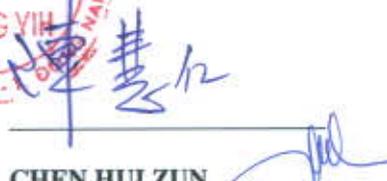
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản Trị,





CHEN HUI ZUN
Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Số: 01/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013, từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.


Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.350.273.437	258.292.828.107
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.187.567.859	5.624.147.403
1. Tiền	111		4.187.567.859	5.624.147.403
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	43.058.565.537	52.510.131.104
1. Phải thu khách hàng	131		45.070.300.852	50.934.699.403
2. Trả trước cho người bán	132		6.743.047.737	857.968.929
5. Các khoản phải thu khác	135		1.833.577.437	717.462.772
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.588.360.489)	-
III. Hàng tồn kho	140	7	184.378.314.090	184.591.607.464
1. Hàng tồn kho	141		193.511.673.666	189.773.210.362
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.133.359.576)	(5.181.602.898)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.725.825.951	15.566.942.136
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	4.290.836.181	5.903.494.748
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.394.356.846	9.065.884.105
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		170.354.561	3.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		870.278.363	594.563.283
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		99.112.665.646	117.726.603.600
I. Tài sản cố định	220		92.979.365.493	109.372.867.744
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	92.835.280.417	108.013.933.493
Nguyên giá	222		289.228.842.942	288.754.581.803
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196.393.562.525)	(180.740.648.310)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	144.085.076	1.358.934.251
II. Tài sản dài hạn khác	260		6.133.300.153	8.353.735.856
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	6.133.300.153	7.643.657.288
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	585.878.568
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	124.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		337.462.939.083	376.019.431.707

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		230.537.550.179	271.234.330.717
I. Nợ ngắn hạn	310		143.164.463.266	160.163.618.009
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	47.145.745.544	74.134.138.591
2. Phải trả người bán	312	13	78.215.809.567	74.454.827.821
3. Người mua trả tiền trước	313		6.623.360.607	2.850.936.130
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	896.318.613	1.562.986.608
5. Phải trả công nhân viên	315		2.115.097.733	3.214.489.522
6. Chi phí phải trả	316	15	7.368.798.043	3.676.662.367
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	799.333.159	269.576.970
II. Nợ dài hạn	330		87.373.086.913	111.070.712.708
3. Phải trả dài hạn khác	333	17	6.825.000.000	23.926.168.841
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	80.268.272.276	86.850.479.542
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		279.814.637	294.064.325
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		106.925.388.904	104.785.100.990
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	106.925.388.904	104.785.100.990
1. Vốn điều lệ	411		90.478.550.000	90.478.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		829.809.325	829.809.325
4. Cổ phiếu quỹ	414		(18.309.325)	(18.309.325)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		15.635.338.904	13.495.050.990
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		337.462.939.083	376.019.431.707

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		6.595.232.911	6.595.232.911
Ngoại tệ các loại (USD)		124.616,44	244.509,33
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



CHEN HUI ZUN
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2013

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng	01		304.368.405.330	306.591.962.677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(1.671.011.153)	(203.232.723)
<i>Chiết khấu thương mại</i>			-	(42.794.182)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>			(246.549.470)	(57.779.453)
<i>Giảm giá hàng bán</i>			(1.424.461.683)	(102.659.088)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	21	302.697.394.177	306.388.729.954
4. Giá vốn hàng bán	11	22	(255.020.708.053)	(255.579.295.006)
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.676.686.124	50.809.434.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	328.723.491	4.182.201.257
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	24	(11.082.437.537)	(24.821.153.861)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(10.895.677.447)	(8.904.481.686)
8. Chi phí bán hàng	24	25	(13.606.870.433)	(19.051.239.804)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(19.091.414.535)	(12.460.836.537)
10. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		4.224.687.110	(1.341.593.997)
11. Thu nhập khác	31		1.278.153.090	6.879.946.579
12. Chi phí khác	32		(1.716.278.227)	(2.949.567.494)
13. Lợi nhuận khác	40	27	(438.125.137)	3.930.379.085
14. Lãi kế toán trước thuế	50		3.786.561.973	2.588.785.088
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	29	(1.646.274.058)	(1.318.079.115)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</i>	52		(1.060.395.490)	(1.318.079.115)
<i>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</i>	53		(585.878.568)	-
16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.140.287.915	1.270.705.973
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61		237	140



CHEN HUI ZUN
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2013

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHI TIÊU	Mã số	2012	2011
I, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1, Lãi trước thuế	01	3.786.561.973	2.588.785.088
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.016.010.101	23.162.551.001
Các khoản dự phòng	03	14.540.117.167	(115.878.145)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	1.819.164	9.195.921.048
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	70.799.323	(60.058.797)
Chi phí lãi vay	04	10.895.677.447	8.904.481.686
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	45.310.985.175	43.675.801.881
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	6.110.139.794	(6.891.594.472)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(3.211.739.358)	(72.172.496.748)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	7.528.528.776	11.085.349.593
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.937.385.067	4.993.158.170
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.278.863.047)	(9.020.111.897)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.230.750.051)	(1.299.244.752)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	124.200.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.042.523.003)	(1.119.767.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.247.363.353	(30.748.905.917)
II, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1, Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.062.155.194)	(2.604.752.346)
2, Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	60.058.797
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	27.754.710	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.034.400.484)	(2.544.693.549)
III, LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	214.232.254.868	250.589.974.193
4, Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(263.861.501.019)	(230.615.810.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.629.246.151)	19.974.163.606
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.416.283.282)	(13.319.435.860)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.624.147.403	19.175.055.455
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	(20.296.262)	(231.472.192)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.187.567.859	5.624.147.403



CHEN HUI ZUN
 Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 03 năm 2013

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (“Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp (thay thế cho Giấy phép Đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN ngày 01 tháng 9 năm 2000 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy phép Đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN ngày 06 tháng 02 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp). Thời gian hoạt động của Công ty là 47 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2000.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 06 tháng 02 năm 2006 theo Giấy phép số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 6 năm 2005 do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 353 người (01/01/2012: 404 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao; xây dựng công trình dân dụng.

Trụ sở của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu bổ sung các thuyết minh và ảnh hưởng đối với việc trình bày một số các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong báo cáo tài chính như được trình bày tại Thuyết minh số 30 (Phần thuyết minh báo cáo tài chính).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-10
Máy móc, thiết bị	05-12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, công trình showroom và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian: công cụ, dụng cụ: 12 tháng; công trình showroom: 10 năm; và chi phí sửa chữa TSCĐ: từ 18 - 48 tháng.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	84.997.679	101.932.033
Tiền gửi ngân hàng	4.003.170.180	5.487.555.909
+ VNĐ	1.407.726.270	389.780.959
+ Ngoại tệ	2.595.443.910	5.097.774.950
Tiền đang chuyển	99.400.000	34.659.461
	<u>4.187.567.859</u>	<u>5.624.147.403</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu khách hàng	45.070.300.851	50.934.699.403
+ khách hàng nước ngoài	13.337.893.800	12.836.109.781
+ khách hàng trong nước	31.732.407.051	38.098.589.622
Trả trước cho người bán	6.743.047.738	857.968.929
+ khách hàng nước ngoài	5.698.390.789	584.621.966
+ khách hàng trong nước	1.044.656.949	273.346.963
Phải thu khác	1.833.577.437	717.462.772
	<u>53.646.926.026</u>	<u>52.510.131.104</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn (*)	(10.588.360.489)	-
	<u>43.058.565.537</u>	<u>52.510.131.104</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	9.773.871.101	-
Nguyên vật liệu	36.138.039.453	39.219.934.058
Công cụ dụng cụ	427.607.931	427.607.931
Chi phí sản xuất dở dang	5.726.849.260	6.051.425.862
Thành phẩm	141.445.305.921	144.074.242.511
	<u>193.511.673.666</u>	<u>189.773.210.362</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.133.359.576)	(5.181.602.898)
	<u>184.378.314.090</u>	<u>184.591.607.464</u>

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VNĐ của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 12).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01	5.903.494.748	5.150.061.495
Tăng trong năm	12.365.237.464	18.717.466.385
Phân bổ vào chi phí trong năm	(13.977.896.031)	(17.043.535.133)
Kết chuyển sang XDCBDD	-	(920.497.999)
Tại ngày 31/12	<u>4.290.836.181</u>	<u>5.903.494.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	75.904.509.834	207.167.671.876	4.651.245.174	1.031.154.919	288.754.581.803
Tăng	114.576.000	807.525.058	-	13.810.000	935.911.058
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(59.146.500)	(173.098.312)	(229.405.107)	(461.649.919)
Tại ngày 31/12/2012	<u>76.019.085.834</u>	<u>207.975.196.934</u>	<u>4.478.146.862</u>	<u>1.044.964.919</u>	<u>289.228.842.942</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	(19.797.132.342)	(157.733.149.735)	(2.507.815.367)	(702.550.866)	(180.740.648.310)
Khấu hao trong năm	(3.083.421.444)	(12.459.356.090)	(401.777.750)	(71.454.817)	(16.016.010.101)
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	59.146.500	159.713.474	144.235.912	363.095.886
Tại ngày 31/12/2012	<u>(22.880.553.786)</u>	<u>(170.133.359.325)</u>	<u>(2.749.879.643)</u>	<u>(629.769.771)</u>	<u>(196.393.562.525)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	<u>56.107.377.492</u>	<u>49.434.522.141</u>	<u>2.143.429.807</u>	<u>328.604.053</u>	<u>108.013.933.493</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>53.138.532.048</u>	<u>37.841.837.609</u>	<u>1.728.267.219</u>	<u>415.195.148</u>	<u>92.835.280.417</u>

Như trình bày tại các Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 80.951.065.260 VNĐ để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại ngân hàng.

Tài sản cố định của Công ty bao gồm một số máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 114.847.111.382VNĐ.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tại ngày 01/01	1.358.934.251	11.636.238.331
Tăng trong năm	1.747.305.139	2.118.727.530
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(621.061.003)	(6.890.784.282)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(1.814.369.365)	(4.376.972.150)
Giảm khác	(526.723.946)	(1.128.275.178)
Tại ngày 31/12	<u>144.085.076</u>	<u>1.358.934.251</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tại ngày 01/01	7.643.657.288	9.013.276.561
Tăng trong năm	4.447.895.693	6.225.079.627
Phân bổ vào chi phí trong năm	(5.857.502.828)	(7.271.510.377)
Giảm khác	(100.750.000)	(323.188.523)
Tại ngày 31/12	<u>6.133.300.153</u>	<u>7.643.657.288</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	29.770.778.008	71.130.491.055
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.374.967.536	3.003.647.536
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	-	1.041.400.000
Ngân hàng TNHH Indovina	1.962.247.536	1.962.247.536
Chyih Investment Co., Ltd.	15.412.720.000	-
	<u>47.145.745.544</u>	<u>74.134.138.591</u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VNĐ hoặc USD với hạn mức tối đa là 100.000.000.000 VNĐ và sẽ đáo hạn vào ngày 27 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 7 và 9).

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải trả khách hàng:		
+ Nhà cung cấp trong nước	51.039.094.202	56.153.418.348
+ Nhà cung cấp nước ngoài	27.176.715.365	18.301.409.473
	<u>78.215.809.567</u>	<u>74.454.827.821</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	667.228.687	704.333.591
Thuế xuất, nhập khẩu	133.386.896	237.157.915
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	460.610.813
Thuế Thu nhập cá nhân	95.703.030	160.884.289
Các loại thuế khác	-	-
	<u>896.318.613</u>	<u>1.562.986.608</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí hao bẻ, hỗ trợ khách hàng	1.797.306.521	763.172.578
Chi phí lãi vay phải trả	5.497.877.522	2.913.489.789
Chi phí khác	73.614.000	-
	<u>7.368.798.043</u>	<u>3.676.662.367</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	31.958.545	9.485.133
Kinh phí công đoàn	9.855.583	3.480.000
Bảo hiểm xã hội	11.963.806	16.435.371
Phải trả khác	745.555.225	240.176.466
	<u>799.333.159</u>	<u>269.576.970</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Các khoản phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ký quỹ dài hạn	6.825.000.000	7.125.000.000
Chyih Investment Co., Ltd.	-	16.801.168.841
	<u>6.825.000.000</u>	<u>23.926.168.841</u>

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	-	625.079.730
Ngân hàng TNHH Indovina	2.617.392.276	4.579.639.812
Vay dài hạn Chyih Investment Co., Ltd.	61.650.880.000	81.645.760.000
Mr. Chen Hui Zun	16.000.000.000	-
	<u>80.268.272.276</u>	<u>86.850.479.542</u>

Khoản vay 405.000,00 USD từ Ngân hàng TNHH Indovina theo một Hợp đồng vay vốn số 166/0310/MTLc/5024439 ngày 17/3/2010 để tài trợ một phần tiền nhập khẩu máy móc thiết bị với lãi suất 5,1%/năm, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (bao gồm 12 tháng ân hạn). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị với tổng giá trị khoảng 647.000,00 USD theo một hợp đồng thế chấp động sản số 205TC/0310/MTLc/5024439 ngày 17/3/2010 và một hợp đồng thế chấp động sản hình thành trong tương lai số 206TC/0310/MTLc/5024439 ngày 17/3/2010.

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục hợp đồng PL/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2009 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 12/5/2009 đến 12/5/2013. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 465/NHNN-ĐNA1 ngày 29 tháng 5 năm 2009 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai. Khoản vay này dự kiến sẽ được Công ty Chyih Investment Co., Ltd. gia hạn thêm thời gian thanh toán 5 năm (từ năm 2013 đến năm 2017).

Khoản vay 16.000.000.000 VNĐ từ Ông Chen Hui Zun – Chủ tịch HĐQT theo Hợp đồng số 1208001-HĐVCN/2012 ngày 01 tháng 8 năm 2012 với lãi suất 14,5%/năm tính từ ngày nhận tiền vay, lãi vay được trả vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn vay từ ngày 01/08/2012 đến 31/7/2017. Tiền vốn được trả 01 (một) lần vào cuối thời hạn cho vay hoặc trả dần trước hạn khi Công ty có điều kiện thanh toán.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	17.374.967.536	3.003.647.536
Trong năm thứ hai	17.374.967.536	84.233.087.266
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	62.893.304.740	2.617.392.276
Sau năm năm	-	-
	<u>97.643.239.812</u>	<u>89.854.127.078</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(17.374.967.536)	(3.003.647.536)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>80.268.272.276</u>	<u>86.850.479.542</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2011	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	12.368.778.192	103.658.828.192
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	1.270.705.973	1.270.705.973
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(144.433.175)	(144.433.175)
Tại ngày 01/01/2012	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	13.495.050.990	104.785.100.990
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	2.140.287.914	2.140.287.914
Cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	15.635.338.904	106.925.388.904

20. CỔ PHIẾU

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 Cổ phiếu
<i>Cổ phiếu</i>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.047.855	9.047.855
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.047.855	9.047.855
- Cổ phiếu phổ thông	9.047.855	9.047.855
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430	1.430
- Cổ phiếu phổ thông	1.430	1.430
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- Cổ phiếu phổ thông	9.046.425	9.046.425
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

21. DOANH THU

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu xuất khẩu	143.645.697.755	157.402.397.800
- Doanh thu nội địa	160.555.649.665	149.189.564.877
- Doanh thu khác	167.057.910	-
	304.368.405.330	306.591.962.677
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	-	(42.794.182)
- Hàng bán bị trả lại	(246.549.470)	(57.779.453)
- Giảm giá hàng bán	(1.424.461.683)	(102.659.088)
	302.697.394.177	306.388.729.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hàng bán		
<i>Trong đó:</i>		
- Giá vốn của thành phẩm	251.068.951.375	253.603.915.708
- Chi phí ngừng sản xuất	-	3.340.015.337
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.951.756.678	(1.364.636.039)
	<u>255.020.708.053</u>	<u>255.579.295.006</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	27.754.710	60.058.797
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.489.570	117.785.870
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	268.479.211	4.004.356.590
	<u>328.723.491</u>	<u>4.182.201.257</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	10.895.677.447	8.904.481.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	34.308.734	9.313.706.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	152.451.356	6.602.965.257
	<u>11.082.437.537</u>	<u>24.821.153.861</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lương nhân viên	1.061.412.114	1.750.731.283
Chi phí vật liệu, bao bì	1.696.590.783	3.691.224.541
Chi phí khấu hao	65.607.624	67.874.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.709.640.457	7.731.005.992
Chi phí khác bằng tiền	3.073.619.455	5.810.403.100
	<u>13.606.870.433</u>	<u>19.051.239.804</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí Nhân viên quản lý	3.222.520.256	5.628.465.244
Chi phí đồ dùng văn phòng	649.545.941	827.249.307
Chi phí khấu hao TSCĐ	661.111.756	622.617.122
Thuế, phí và lệ phí	40.441.000	184.298.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.586.880.947	3.595.211.867
Chi phí khác	1.342.554.146	1.602.994.350
	<u>19.091.414.535</u>	<u>12.460.836.537</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	-	-
Hoàn thuế nhập khẩu	360.951.298	794.791.255
Xử lý công nợ	317.590.683	5.338.383.121
Khác	599.611.109	746.772.203
Thu nhập khác	<u>1.278.153.090</u>	<u>6.879.946.579</u>
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	(24.500.000)	(1.106.077.133)
Giá trị còn lại của Tài sản cố định hủy	(98.554.033)	-
Xử lý công nợ	(1.193.558.431)	(211.751.492)
Khác	(399.665.763)	(1.631.738.869)
Chi phí khác	<u>(1.716.278.227)</u>	<u>(2.949.567.494)</u>
Lợi nhuận khác	<u>(438.125.137)</u>	<u>3.930.379.085</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên vật liệu	80.374.686.975	260.150.169.549
Chi phí nhân công	13.171.533.602	33.533.120.129
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.166.463.219	21.067.712.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.562.364.303	29.670.072.626
Chi phí khác	2.460.871.667	7.516.865.404
	<u>114.735.919.766</u>	<u>351.937.940.169</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện	<u>3.786.561.973</u>	<u>2.588.785.088</u>
Lợi nhuận trước thuế	3.786.561.973	2.588.785.088
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(7.325.648.851)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển qua	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.282.741.295	9.255.828.017
Thu nhập chịu thuế	<u>7.069.303.268</u>	<u>4.518.964.254</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
<i>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện hành</i>	1.060.395.490	677.844.638
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</i>	585.878.568	640.234.477
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.646.274.058</u>	<u>1.318.079.115</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.187.567.859	5.624.147.403
Các khoản phải thu	50.785.614.172	52.510.131.104
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	54.973.182.031	58.134.278.507
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	134.239.017.820	184.910.786.974
+ Ngắn hạn	47.145.745.544	74.134.138.591
+ Dài hạn	87.093.272.276	110.776.648.383
Phải trả người bán và phải trả khác	76.378.923.029	74.724.404.791
Chi phí phải trả	7.368.798.043	3.676.662.367
Tổng cộng	217.986.738.892	263.311.854.132

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD như sau:

	Ngoại tệ	
	31/12/2012	01/01/2012
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	488,00	244.509,33
Các khoản phải thu	460.374,56	741.177,47
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	460.862,56	985.686,80
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	4.688.075,66	4.314.102,51
+ Ngắn hạn	834.212,00	144.212,00
+ Dài hạn	3.853.863,66	4.169.890,51
Phải trả người bán và phải trả khác	1.032.902,73	906.761,64
Chi phí phải trả	806.662,61	806.662,61
Tổng cộng	6.527.641,00	6.027.526,76

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 năm - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2012			
Các khoản vay	47.145.745.544	87.093.272.276	134.239.017.820
Phải trả người bán và phải trả khác	76.378.923.029	-	76.378.923.029
Chi phí phải trả	7.368.798.043	-	7.368.798.043
Cộng	130.893.466.616	87.093.272.276	217.986.738.892
Tại 01/01/2012			
Các khoản vay	74.134.138.591	110.776.648.383	184.910.786.974
Phải trả người bán và phải trả khác	74.724.404.791	-	74.724.404.791
Chi phí phải trả	3.676.662.367	-	3.676.662.367
Cộng	152.535.205.749	110.776.648.383	263.311.854.132
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.187.567.859	-	4.187.567.859
Các khoản phải thu	50.785.614.172	-	50.785.614.172
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	54.973.182.031	-	54.973.182.031
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.624.147.403	-	5.624.147.403
Các khoản phải thu	52.510.131.104	-	52.510.131.104
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	58.134.278.507	-	58.134.278.507

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Trả nợ vay dài hạn		
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	21.440.805.838	-
	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chi phí lãi vay		
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	2.391.054.400	1.097.729.789
Số dư với các bên liên quan:	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
Các khoản phải trả Chyih Investment Co., Ltd.		
+ Lãi vay phải trả	5.497.877.522	2.913.489.789
+ Nợ dài hạn phải trả	-	16.801.168.841
+ Vay dài hạn phải trả	61.650.880.000	81.645.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	01/01/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	1.755.290.114	1.755.290.114
Trong năm thứ hai	1.755.290.114	1.755.290.114
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.265.870.342	5.265.870.342
Sau năm thứ năm	50.610.864.954	52.366.155.068
	<u>59.387.315.524</u>	<u>61.142.605.638</u>

Công ty hàng năm phải trả tiền thuê đối với diện tích 102.775 m² tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch với giá thuê 0,82 USD/m²/năm theo quy định tại Hợp đồng thuê lại đất số 985/CT-ĐT ngày 25/10/2000, Phụ lục số 97/CT-KHĐT ngày 20/01/2005 và Phụ lục số 1226/CT-ĐT-PLHD ngày 03/12/2005.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.



CHEN HUI ZUN

Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2013

LÊ THỊ MỸ DUNG

Kế toán trưởng